

Số: 2183020

|                                            | Kia Sportage 2.0G Premium    | Kia Carens 1.4T Signature (7S) |
|--------------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>819.000.000đ</b>          | <b>764.000.000đ</b>            |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                              |                                |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4660 x 1865 x 1700           | 4540 x 1800 x 1750             |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2755                         | 2780                           |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5890                         | 5310                           |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 190                          | 190                            |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1520                         | 1326                           |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1970                         | 1950                           |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 543                          | 216                            |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 54                           | 45                             |
| Số chỗ ngồi                                | 5                            | 7                              |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước             | SX-LR trong nước               |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                              |                                |
| Loại động cơ                               | Xăng 2.0L                    | SmartStream 1.4T - GDi         |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1999                         | 1353                           |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 154 / 6200                   | 138 / 6,000                    |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 192 / 4500                   | 242 / 1,500 - 3,200            |
| Hộp số                                     | 6AT                          | 7DCT                           |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)              | Cầu trước (FWD)                |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson                   | McPherson                      |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm             | Thanh xoắn                     |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                          | Đĩa                            |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                          | Đĩa                            |
| Thông số lốp xe                            | 235/55 R19                   | 215/55 R17                     |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 9.5                          | 6.5                            |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 6.3                          | 4.5                            |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 7.5                          | 5.3                            |
| Chế độ lái                                 | Normal / Eco / Sport / Smart | Normal / Eco / Sport           |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                              |                                |
| Cụm đèn trước                              | LED                          | LED                            |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                            | ●                              |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                            | ●                              |
| Cụm đèn sau                                | LED                          | LED                            |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                            | ●                              |
| Gạt mưa tự động                            | ●                            | ●                              |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                              |                                |
| Vô lăng bọc da                             | ●                            | ●                              |
| Chất liệu ghế                              | Da                           | Da                             |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                            | ●                              |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                            | ●                              |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                            | ●                              |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | Digital Segment + LCD 4.2    | 4.2" TFT + SEG LCD             |
| Màn hình giải trí trung tâm                | AVN 12.3"                    | AVN 10.25"                     |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto         | ●                            | ●                              |
| Hệ thống điều hòa tự động                  | ●                            | ●                              |

|                                         |                        |                             |
|-----------------------------------------|------------------------|-----------------------------|
| Số vùng khí hậu điều hòa                | 2                      | 1                           |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                | ●                      | ●                           |
| Chìa khóa thông minh                    | ●                      | ●                           |
| Khởi động nút bấm                       | ●                      | ●                           |
| Khởi động từ xa                         | ●                      | ●                           |
| Hệ thống âm thanh                       | 6 loa                  | 8 loa Bose                  |
| Lấy chuyển số                           | ●                      |                             |
| Phanh đỗ điện tử                        | ●                      |                             |
| Giữ phanh tự động Autohold              | ●                      |                             |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX              | ●                      | ●                           |
| <b>AN TOÀN:</b>                         |                        |                             |
| Số túi khí                              | 6                      | 6                           |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●                      | ●                           |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●                      | ●                           |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●                      | ●                           |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ●                      | ● + DBC                     |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa         | ●                      | ●                           |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Trước & Sau            | Trước & Sau                 |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù               | ●                      |                             |
| Hệ thống điều khiển hành trình          | ●                      | ● (cài đặt giới hạn tốc độ) |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp           | ●                      | ●                           |
| Camera lùi                              | ●(Tích hợp camera 360) | ●                           |